CÔNG ĐOÀN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CÔNG ĐOÀNTRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 106/QĐ-CĐĐHCN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh Năm học 2024 – 2025

BAN THƯỜNG VỤ CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-CĐCT ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Ban thường vụ Công Đoàn Công Thương Việt Nam về việc công nhận Ban Chấp hành Công đoàn Cơ sở Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2023 – 2028;

Căn cứ vào Qui chế Tài chính của Công đoàn Cơ sở Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hướng dẫn số 91/HD-CĐĐHCN ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Công đoàn trường về bình xét thi đua khen thưởng công tác Công đoàn năm học 2024 – 2025;

Theo đề nghị của Văn phòng Công đoàn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 34 tổ công đoàn đạt danh hiệu Tổ công đoàn vững mạnh và 239 đoàn viên đạt danh hiệu công đoàn viên xuất sắc năm học 2024 - 2025 *(danh sách kèm theo)*

Điều 2. Tiền thưởng thưởng cho Tổ công đoàn xuất sắc là 702.000 đồng/tổ.

Tiền thưởng công đoàn viên xuất sắc là 351.000 đồng/người.

Tổng số tiền thưởng thưởng là: 107.757.000 (Một trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm năm mươi bảy ngàn đồng)

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng Công đoàn, Ủy viên phụ trách tài chính và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VPCĐ.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

CÔNG ĐOÀN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
BCH CÔNG ĐOÀN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP HỒ CHÍ MINH

Lê Ngọc Sơn

Được quét bằng CamScanner

DANH SÁCH TẬP THỂ TỔ CÔNG ĐOÀN VỮNG MẠNH NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo quyết định số: 106 QĐ/CĐĐHCN ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Công đoàn Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh)

TT	Tổ Công Đoàn	Tiền Thưởng	TTCĐ Ký Nhận
1	Phòng Tổ Chức Hành Chánh	702.000	
2	Phòng Tài chính - Kế toán	702.000	
3	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	702.000	
4	Phòng Đào Tạo	702.000	
5	Phòng Quản lý Khoa học - HTQT	702.000	
6	Viện Đào tạo quốc tế & sau đại học	702.000	
7	Phòng CTCT&HTSV	702.000	
8	Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng	702.000	
9	Phòng Quản Trị	702.000	
10	Phòng Quản lý Ký túc xá	702.000	
11	Phòng Dịch vụ	702.000	
12	Khoa Khoa học Cơ bản	702.000	
13	Khoa Ngoại Ngữ	702.000	
14	Khoa Quản trị Kinh doanh	702.000	
15	Viện Tài chính Kế toán và Kiểm toán	702.000	
16	Khoa Thương mại Du lịch	702.000	
17	Khoa Luật và KHCT	702.000	
18	Khoa Công nghệ Cơ khí	702.000	
19	Khoa Công nghệ Điện	702.000	
20	Khoa Công nghệ Điện tử	702.000	
21	Khoa Công nghệ Động lực	702.000	
22	Khoa CN Hóa học	702.000	
23	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	702.000	
24	Khoa Công nghệ Thông tin	702.000	

Được quét bằng CamScanner

25	Khoa CN May thời trang	702.000	
26	Viện Công nghệ Sinh học & Thực phẩm	702.000	
27	Viện Khoa học Công nghệ & Quản lý Môi trường	702.000	
28	Trung tâm Thư viện	702.000	
29	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và Thể chất	702.000	
30	Trung tâm Quản trị hệ thống	702.000	
31	Khoa Kinh tế - Phân hiệu QN	702.000	
32	Phòng Tổng hợp - Phân hiệu QN	702.000	
33	Phòng Giáo vụ &Công tác sinh viên - Phân hiệu QN	702.000	
34	Khoa KHCB & KTCS - Phân hiệu QN	702.000	
Tổng		**23.868.000**	
Số tiền bằng chữ: Hai mươi ba triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn đồng			

Được quét bằng CamScanner

DANH SÁCH CÔNG ĐOÀN VIÊN XUẤT SẮC NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo quyết định số: 106 QĐ/CĐĐHCN ngày 14 háng 11 năm 2025 của Chủ tịch Công đoàn Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh)

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	Tiền Thưởng	Ghi chú
1	Phan Hồng Hải	Ban Giám hiệu	351.000	
2	Huỳnh Trung Hiếu	Ban Giám hiệu	351.000	
3	Đàm Sao Mai	Ban Giám hiệu	351.000	
4	Nguyễn Xuân Hồng	Ban Giám hiệu	351.000	
5	Nguyễn Thị Duy Anh	Phòng Tổ chức Hành chính	351.000	
6	Phạm Trung Kiên	Phòng Tổ chức Hành chính	351.000	
7	Trần Thắng Lợi	Phòng Tổ chức Hành chính	351.000	
8	Nguyễn Thị Thúy Hiền	Phòng Tổ chức Hành chính	351.000	
9	Phạm Thị Quế Minh	Phòng Tài chính Kế toán	351.000	
10	Đào Thị Hải	Phòng Tài chính Kế toán	351.000	
11	Đào Thị Quyến	Phòng Tài chính Kế toán	351.000	
12	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Phòng Tài chính Kế toán	351.000	
13	Phạm Ngân Trang	Phòng Tài chính Kế toán	351.000	
14	Nguyễn Thị Hiền	Phòng Tài chính Kế toán	351.000	
15	Trình Thị Hương	Phòng Tài chính Kế toán	351.000	
16	Hồ Đặng Thanh Nga	Phòng Tài chính Kế toán	351.000	
17	Trần Thanh Hải	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	351.000	
18	Lê Thành An	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	351.000	
19	Nguyễn Trung Nhân	Phòng Đào tạo	351.000	

Được quét bằng CamScanner

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	Tiền Thưởng	Ghi chú
20	Trần Thị Huế Chi	Phòng Đào tạo	351.000	
21	Phạm Quang Trí	Phòng Đào tạo	351.000	
22	Bùi Quốc Tiến	Phòng Đào tạo	351.000	
23	Nguyễn Thị Liên	Phòng Đào tạo	351.000	
24	Nguyễn Lê Thúy Trâm	Phòng Đào tạo	351.000	
25	Trần Duy An	Phòng Quản lý KH&HTQT	351.000	
26	Nguyễn Nhân Sâm	Phòng Quản lý KH&HTQT	351.000	
27	Lê Ngọc Sơn	Viện Đào tạo quốc tế&SDH	351.000	
28	Lê Thanh Nam	Viện Đào tạo quốc tế&SDH	351.000	
29	Trần Thị Tình	Phòng CTCT&HTSV	351.000	
30	Vũ Đình Lê	Phòng CTCT&HTSV	351.000	
31	Nguyễn Anh Minh	Phòng CTCT&HTSV	351.000	
32	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Phòng CTCT&HTSV	351.000	
33	Nguyễn Thị Châu	Phòng CTCT&HTSV	351.000	
34	Lê Hữu Anh	Phòng KT&BD Chất lượng	351.000	
35	Huỳnh Thị Hậu	Phòng KT&BD Chất lượng	351.000	
36	Nguyễn Huy Phúc	Phòng KT&BD Chất lượng	351.000	
37	Phạm Quang Thắng	Phòng KT&BD Chất lượng	351.000	
38	Nguyễn Đinh Mai Thy	Phòng KT&BD Chất lượng	351.000	
39	Đỗ Ngọc Cẩm Tú	Phòng KT&BD Chất lượng	351.000	
40	Lê Thị Diệu Hằng	Phòng KT&BD Chất lượng	351.000	
41	Đặng Ích Hải	Phòng Quản trị	351.000	
42	Nguyễn Qúy Tuấn	Phòng Quản trị	351.000	

Được quét bằng CamScanner

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	Tiền Thưởng	Ghi chú
43	Nguyễn Ngọc Châu	Phòng Quản trị	351.000	
44	Phan Hữu Thọ	Phòng Quản trị	351.000	
45	Đỗ Ngọc Tuấn	Phòng Quản lý Ký túc xá	351.000	
46	Võ Tuấn Anh	Phòng Quản lý Ký túc xá	351.000	
47	Nguyễn Thị Thoa	Phòng Quản lý Ký túc xá	351.000	
48	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phòng Quản lý Ký túc xá	351.000	
49	Phạm Trung Hiếu	Phòng Quản lý Ký túc xá	351.000	
50	Vũ Thị Lan	Phòng Dịch vụ	351.000	
51	Đặng Thị Nga	Phòng Dịch vụ	351.000	
52	Nguyễn Thị Hồng	Phòng Dịch vụ	351.000	
53	Đặng Thị Điệp	Phòng Dịch vụ	351.000	
54	Lê Thị Hải Yến	Phòng Dịch vụ	351.000	
55	Nguyễn Hoàng Nhân	Phòng Dịch vụ	351.000	
56	Trần Hán Thành	Phòng Dịch vụ	351.000	
57	Hoàng Xanh	Phòng Dịch vụ	351.000	
58	Dương Tiến Đoàn	Phòng Dịch vụ	351.000	
59	Phạm Thị Oanh	Khoa Khoa học Cơ bản	351.000	
60	Ngô Ngọc Hưng	Khoa Khoa học Cơ bản	351.000	
61	Nguyễn Đức Phương	Khoa Khoa học Cơ bản	351.000	
62	Nguyễn Thị Phượng	Khoa Khoa học Cơ bản	351.000	
63	Lý Thanh Bình	Khoa Khoa học Cơ bản	351.000	
64	Hoàng Thị Thu	Khoa Khoa học Cơ bản	351.000	
65	Nguyễn Thị Ngọc Điệp	Khoa Khoa học Cơ bản	351.000	

Được quét bằng CamScanner

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	Tiền Thưởng	Ghi chú
66	Nguyễn Văn Nam	Khoa Ngoại ngữ	351.000	
67	Nguyễn Thị Bích	Khoa Ngoại ngữ	351.000	
68	Nguyễn Vũ Mạnh Hoài	Khoa Ngoại ngữ	351.000	
69	Nguyễn Văn Nha	Khoa Ngoại ngữ	351.000	
70	Lê Minh Thanh	Khoa Ngoại ngữ	351.000	
71	Đỗ Thị Kim Hiếu	Khoa Ngoại ngữ	351.000	
72	Lê Phạm Thiên Thư	Khoa Ngoại ngữ	351.000	
73	Hồ Thị Hiền	Khoa Ngoại ngữ	351.000	
74	Nguyễn Thị Thúy Loan	Khoa Ngoại ngữ	351.000	
75	Phạm Nguyễn Trường Thi	Khoa Ngoại ngữ	351.000	
76	Võ Thị Minh Ngân	Khoa Ngoại ngữ	351.000	
77	Đinh Tấn Thụy Kha	Khoa Ngoại ngữ	351.000	
78	Lê Đức Lâm	Khoa Quản trị Kinh doanh	351.000	
79	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Khoa Quản trị Kinh doanh	351.000	
80	Lương Thị Minh Hương	Khoa Quản trị Kinh doanh	351.000	
81	Nguyễn Hà Thạch	Khoa Quản trị Kinh doanh	351.000	
82	Phùng Tiến Dũng	Khoa Quản trị Kinh doanh	351.000	
83	Bùi Huy Khôi	Khoa Quản trị Kinh doanh	351.000	
84	Nguyễn Ngọc Thức	Khoa Quản trị Kinh doanh	351.000	
85	Đặng Trần Ánh Mai	Khoa Quản trị Kinh doanh	351.000	
86	Lê Trần Bảo Hân	Khoa Quản trị Kinh doanh	351.000	
87	Nguyễn Ngọc Long	Khoa Quản trị Kinh doanh	351.000	
88	Phạm Ngọc Kim Khánh	Khoa Quản trị Kinh doanh	351.000	

Được quét bằng CamScanner

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	Tiền Thưởng	Ghi chú
89	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Quản trị Kinh doanh	351.000	
90	Vũ Trọng Hiền	Viện Tài chính Kế toán	351.000	
91	Phan Thị Như Hồng	Viện Tài chính Kế toán	351.000	
92	Lê Thủy Ngân	Viện Tài chính Kế toán	351.000	
93	Nguyễn Quý Hiệp	Viện Tài chính Kế toán	351.000	
94	Võ Thúy Hà	Viện Tài chính Kế toán	351.000	
95	Vũ Phương Hạnh	Viện Tài chính Kế toán	351.000	
96	Đoàn Văn Đính	Viện Tài chính Kế toán	351.000	
97	Huỳnh Thị Nhật Tâm	Viện Tài chính Kế toán	351.000	
98	Cồ Thị Thanh Hương	Viện Tài chính Kế toán	351.000	
99	Nguyễn Thị Kim Liên	Viện Tài chính Kế toán	351.000	
100	Phan Minh Xuân	Viện Tài chính Kế toán	351.000	
101	Nguyễn Quốc Nhất	Viện Tài chính Kế toán	351.000	
102	Nguyễn Tài Yên	Viện Tài chính Kế toán	351.000	
103	Nguyễn Mạnh Tuyển	Viện Tài chính Kế toán	351.000	
104	Bùi Thị Trúc Quy	Viện Tài chính Kế toán	351.000	
105	Đỗ Hà Vinh	Viện Tài chính Kế toán	351.000	
106	Võ Thị Thu Thủy	Khoa Thương mại Du lịch	351.000	
107	Trần Thái Đình Khương	Khoa Thương mại Du lịch	351.000	
108	Huỳnh Nguyễn Tường An	Khoa Thương mại Du lịch	351.000	
109	Vũ Thị Kiều Anh	Khoa Thương mại Du lịch	351.000	
110	Trương Công Hậu	Khoa Thương mại Du lịch	351.000	
111	Ninh Phú Giang	Khoa Thương mại Du lịch	351.000	

Được quét bằng CamScanner

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	Tiền Thưởng	Ghi chú
112	Phan Thị Thu Trang	Khoa Thương mại Du lịch	351.000	
113	Trịnh Thị Thúy Vy	Khoa Thương mại Du lịch	351.000	
114	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Khoa Thương mại Du lịch	351.000	
115	Nguyễn Nguyên Phương	Khoa Thương mại Du lịch	351.000	
116	Nguyễn Lê Thành Minh	Khoa Luật và KHCT	351.000	
117	Nguyễn Thị Minh Phương	Khoa Luật và KHCT	351.000	
118	Vũ Thị Thu Trang	Khoa Luật và KHCT	351.000	
119	Bùi Văn Như	Khoa Luật và KHCT	351.000	
120	Đinh Thị Cẩm Hà	Khoa Luật và KHCT	351.000	
121	Lại Quang Ngọc	Khoa Luật và KHCT	351.000	
122	Trương Thị Mai	Khoa Luật và KHCT	351.000	
123	Nguyễn Thị Hải Vân	Khoa Luật và KHCT	351.000	
124	Nguyễn Thị Nụ	Khoa Luật và KHCT	351.000	
125	Nguyễn Thị Kim Chung	Khoa Luật và KHCT	351.000	
126	Nguyễn Đức Nam	Khoa Công nghệ Cơ khí	351.000	
127	Nguyễn Tiến Dũng	Khoa Công nghệ Cơ khí	351.000	
128	Bùi Quốc Duy	Khoa Công nghệ Cơ khí	351.000	
129	Trần Quang Thịnh	Khoa Công nghệ Cơ khí	351.000	
130	Nguyễn Trường Giang	Khoa Công nghệ Cơ khí	351.000	
131	Nguyễn Huỳnh Hòa	Khoa Công nghệ Cơ khí	351.000	
132	Đường Công Truyền	Khoa Công nghệ Cơ khí	351.000	
133	Châu Ngọc Lê	Khoa Công nghệ Cơ khí	351.000	
134	Ngô Văn Cường	Khoa Công nghệ Cơ khí	351.000	

Được quét bằng CamScanner

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	Tiền Thưởng	Ký nhận
135	Đặng Hoàng Minh	Khoa Công nghệ Cơ khí	351.000	
136	Lê Tuấn Kiệt	Khoa Công nghệ Cơ khí	351.000	
137	Phạm Thị Thu	Khoa Công nghệ Cơ khí	351.000	
138	Nguyễn Trung Dũng	Khoa CN Điện	351.000	
139	Ngô Thanh Quyền	Khoa CN Điện	351.000	
140	Lưu Tuấn Kiệt	Khoa CN Điện	351.000	
141	Trần Thanh Ngọc	Khoa CN Điện	351.000	
142	Dương Thanh Long	Khoa CN Điện	351.000	
143	Bạch Thanh Quý	Khoa CN Điện	351.000	
144	Nguyễn Thanh Thuận	Khoa CN Điện	351.000	
145	Châu Minh Thuyên	Khoa CN Điện	351.000	
146	Phạm Công Duy	Khoa CN Điện	351.000	
147	Phùng Văn Thắng	Khoa CN Điện	351.000	
148	Trần Thị Giang Thanh	Khoa CN Điện	351.000	
149	Lê Văn Đại	Khoa CN Điện	351.000	
150	Nguyễn Hoài Thương	Khoa CN Điện	351.000	
151	Nguyễn Quân	Khoa CN Điện	351.000	
152	Đặng Quang Minh	Khoa CN Điện tử	351.000	
153	Nguyễn Thị Hồng Hà	Khoa CN Điện tử	351.000	
154	Phạm Thị Kim Hoàng	Khoa CN Điện tử	351.000	
155	Lê Thị Thu Hương	Khoa CN Điện tử	351.000	
156	Trần Minh Hồng	Khoa CN Điện tử	351.000	
157	Trần Minh Chính	Khoa CN Điện tử	351.000	

Được quét bằng CamScanner

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	Tiền Thưởng	Ký nhận
158	Nguyễn Thanh Đăng	Khoa CN Điện tử	351.000	
159	Nguyễn Văn Cường	Khoa CN Điện tử	351.000	
160	Võ Tấn Châu	Khoa Công nghệ Động lực	351.000	
161	Nguyễn Xuân Ngọc	Khoa Công nghệ Động lực	351.000	
162	Nguyễn Khôi Nguyên	Khoa Công nghệ Động lực	351.000	
163	Võ Lâm Kim Thanh	Khoa Công nghệ Động lực	351.000	
164	Nguyễn Công Thành	Khoa Công nghệ Động lực	351.000	
165	Trần Thị Hồng	Khoa Công nghệ Hóa học	351.000	
166	Nguyễn Minh Tiến	Khoa Công nghệ Hóa học	351.000	
167	Khưu Châu Quang	Khoa Công nghệ Hóa học	351.000	
168	Lê Hoài Ân	Khoa Công nghệ Hóa học	351.000	
169	Phạm Văn Hưng	Khoa Công nghệ Hóa học	351.000	
170	Lê Thiết Hùng	Khoa Công nghệ Hóa học	351.000	
171	Nguyễn Văn Sơn	Khoa Công nghệ Hóa học	351.000	
172	Lê Nhất Thống	Khoa Công nghệ Hóa học	351.000	
173	Lưu Thị Việt Hà	Khoa Công nghệ Hóa học	351.000	
174	Hồ Ngọc Nga	Khoa Công nghệ Hóa học	351.000	
175	Trần Ngọc Thắng	Khoa Công nghệ Hóa học	351.000	
176	Đoàn Thị Hồng Hải	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	351.000	
177	Tô Kiều Mi	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	351.000	
178	Nguyễn Hữu Nghĩa	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	351.000	
179	Phạm Quang Phú	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	351.000	
180	Nguyễn Trung Kiên (A)	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	351.000	

Được quét bằng CamScanner

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	Tiền Thưởng	Ký nhận
181	Ngô Hữu Dũng	Khoa Công nghệ Thông tin	351.000	
182	Lê Vũ Hạo	Khoa Công nghệ Thông tin	351.000	
183	Nguyễn Thị Hạnh	Khoa Công nghệ Thông tin	351.000	
184	Bùi Thanh Hùng	Khoa Công nghệ Thông tin	351.000	
185	Trần Thị Minh Khoa	Khoa Công nghệ Thông tin	351.000	
186	Phạm Thái Khanh	Khoa Công nghệ Thông tin	351.000	
187	Nguyễn Trọng Tiến	Khoa Công nghệ Thông tin	351.000	
188	Nguyễn Ngọc Lễ	Khoa Công nghệ Thông tin	351.000	
189	Giàng Thanh Trọn	Khoa Công nghệ Thông tin	351.000	
190	Nguyễn Ngọc Phượng	Khoa Công nghệ Thông tin	351.000	
191	Trương Vĩnh Linh	Khoa Công nghệ Thông tin	351.000	
192	Huỳnh Văn Thức	Khoa Công nghệ May - TT	351.000	
193	Hà Tú Vân	Khoa Công nghệ May - TT	351.000	
194	Trần Nguyễn Tú Uyên	Khoa Công nghệ May - TT	351.000	
195	Phạm Thị Hồng My	Khoa Công nghệ May - TT	351.000	
196	Nguyễn Thị Tuyết	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	351.000	
197	Huỳnh Lê Em	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	351.000	
198	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	351.000	
199	Đoàn Hiếu Linh	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	351.000	
200	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	351.000	
201	Nguyễn Bá Thanh	Viện Công nghệ SH&TP	351.000	
202	Nguyễn Thị Kim Anh	Viện Công nghệ SH&TP	351.000	
203	Mai Bích Dung	Viện Công nghệ SH&TP	351.000	

Được quét bằng CamScanner

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	Tiền Thưởng	Ký nhận
204	Lâm Khắc Kỳ	Viện Công nghệ SH&TP	351.000	
205	Vũ Thị Hoan	Viện Công nghệ SH&TP	351.000	
206	Nguyễn Thị Thanh Bình	Viện Công nghệ SH&TP	351.000	
207	Nguyễn Thị Sen	Viện Công nghệ SH&TP	351.000	
208	Nguyễn Thị Hồng Vân	Viện Công nghệ SH&TP	351.000	
209	Lê Thị Thùy Trang	Viện Khoa học CN&QLMT	351.000	
210	Ngô Thị Mến	Viện Khoa học CN&QLMT	351.000	
211	Nguyễn Hoàng Mỹ	Viện Khoa học CN&QLMT	351.000	
212	Trần Thị Hiền	Viện Khoa học CN&QLMT	351.000	
213	Trần Thị Hiền	Viện Khoa học CN&QLMT	351.000	
214	Bùi Đăng Hưng	Viện Khoa học CN&QLMT	351.000	
215	Cù Huy Đức	Viện Khoa học CN&QLMT	351.000	
216	Nguyễn Thị Thu Hằng	TT Thông tin - Thư viện	351.000	
217	Nguyễn Thị Hoa Lan	TT Thông tin - Thư viện	351.000	
218	Phạm Tâm Liên	TT Thông tin - Thư viện	351.000	
219	Trình Thị Liên	TT Thông tin - Thư viện	351.000	
220	Đỗ Thị Thúy	TT Thông tin - Thư viện	351.000	
221	Hồ Văn Huy	Trung tâm GD QPTC	351.000	
222	Nguyễn Thanh Liêm	Trung tâm GD QPTC	351.000	
223	Phạm Ngọc Anh	Trung tâm GD QPTC	351.000	
224	Nguyễn Quang Thăng	TT. Quản trị hệ thống	351.000	
225	Nguyễn Thị Thương	Trung tâm Thông tin TT	351.000	
226	Lê Văn Hoàng	VPĐTN	351.000	

Được quét bằng CamScanner

TT	Họ Và Tên	Đơn Vị	Tiền Thưởng	Ký nhận
227	Lâm Huỳnh Đình Nguyên	VPCĐ	351.000	
228	Nguyễn Thị Hà	CSTH	351.000	
229	Bùi Văn Vĩ	Khoa Công nghệ - PHQN	351.000	
230	Trương Văn Huy	Khoa Công nghệ - PHQN	351.000	
231	Vy Thị Thanh Hường	Khoa Công nghệ - PHQN	351.000	
232	Lý Sỹ Dược	Khoa Công nghệ - PHQN	351.000	
233	Huỳnh Thị Lệ Minh	Khoa Kinh tế - PHQN	351.000	
234	Nguyễn Trọng Minh Thái	Khoa Kinh tế - PHQN	351.000	
235	Dương Thị Ánh Tiên	Khoa Kinh tế - PHQN	351.000	
236	Nguyễn Thị Thúy Việt	Khoa Kinh tế - PHQN	351.000	
237	Lê Anh Tuấn	Khoa KHCB&KTCS-PHQN	351.000	
238	Lê Thị Thanh Tùng	Khoa KHCB&KTCS -PHQN	351.000	
239	Trần Cao Việt	Phòng Tổng hợp -PHQN	351.000	
Tổng cộng:			83.889.000	
Số tiền bằng chữ: Tám mươi ba triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng				

Được quét bằng CamScanner